

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
Mã số mẫu: 0495.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Hóa  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Sst	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,43	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0496.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Trần Văn Tuấn (Ấp An Hòa Thạnh, xã Giao Long)  
Ngày lấy mẫu : 20/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,44	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Thương Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0497.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Trần Thị Sương (Ấp Hòa Long, xã Giao Long)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,50	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,74	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM -  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0498.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Phước  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,45	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,57	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Hoàng Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0499.26



VILAS 502

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Ngô Công Trung (ấp Phước Hưng, xã Giao Long)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,37	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,72	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0500.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Văn Gương (ấp Phước Thành, xã Giao Long)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,55	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0501.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : NMN Tam Phước  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,53	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,44	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0502.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Phạm Thế Vũ (ấp 4, xã Phú Túc)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,48	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,44	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Hoàng Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0503.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Nguyễn Văn Nghĩa (ấp Phú Ngãi, xã Giao Long)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,42	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0504.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : NMN An Hiệp  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,45	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,44	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0505.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Dương Văn Toàn (ấp Hòa Thanh, xã Phú Túc)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,52	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCĐP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Quỳnh Diệu*

Số: 0141.26/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0506.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH  
Địa chỉ : Số 539B, Khu phố Thạnh Hựu, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Đan Thanh  
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Dương Thành Diện (ấp Hòa Thanh, xã Phú Túc)  
Ngày lấy mẫu : 12/5/2026  
Tên mẫu : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ  
Lượng mẫu : 2.5 L  
Ngày nhận mẫu : 12/05/2026  
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2026 - 20/05/2026  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa 2.0 lít và chai nhựa 500 ml.  
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi vị, lạ	Không có mùi vị, lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,49	6,0 - 8,5
4	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
5	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	SMEWW 4500-CI B - 2023	0,27	0,2 - 1,0
6	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
7	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 1:2022/BTr.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM –  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

*Lê Hồng Phương*

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Hoàng Thị Quỳnh Diệu*